

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :303

sang; Chảo ech singapo mỗp hồng ca rot
Sổa grow
Trổa : Côm chà ca rìm xì dau. Canh ừu ừu
tôm kho thòt heo nác rau húng
Mon luoc: rau đen
Xe: Bánh plan
Xe chieu: Núi thòt tôm tồoi nam mỗp ca rot
bap su su

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37009				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom kho	300	78,100	234,300
3	Chả cá ba sa	9,000	11,220	1,009,800
4	Tôm biền	3,000	34,970	1,049,100
5	Nước mắm Cá (loại 1)	4,000	5,940	237,600
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nông cat	4,000	3,880	155,200
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Xì dầu	3,000	990	29,700
10	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
11	Ngo (bap) tồoi	1,000	3,990	39,900
12	Hành lã	1,500	5,360	80,400
13	Hành củ tồoi	1,000	5,780	57,800
14	Nam rôm	500	13,130	65,650
15	Cà rot	5,000	5,460	273,000
16	Rau đen	4,000	4,200	168,000
17	Mỗp	5,000	3,990	199,500
18	Nũ ừu xanh	10,000	3,680	368,000
19	Rau húng	200	11,870	23,740
20	Sủ sủ	1,000	3,050	30,500
21	Núi	8,000	3,060	244,800
22	Bánh plan	30,300	6,770	2,051,310
23	Thòt lôn nác	9,800	18,060	1,769,880
24	Thòt ech	3,500	27,300	955,500
Cong				9,881,180
	*XUẤT KHO			
25	Sổa bót Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cong				1,332,500
Tổng tiền thức phẩm				11,213,680 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏoc chỉ trong ngày				11211000(đ)
Số đố ừu ngày				0(đ)
Số đố cuoi ngày				-2680(đ)
Xuất ăn luy kế tồ ừu tháng				
Tiêu chuan luy kế tồ ừu tháng				
Tiền chỉ luy kế tồ ừu tháng				